

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày 13-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Văn Mụm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2023/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thái B, sinh năm 1982, tại huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp D, xã P, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: khu phố A, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L và bà Lê Tuyết C; vợ là Nguyễn Tuyết M (chưa đăng ký kết hôn), con: có 04 người, người lớn nhất sinh năm 2009, người nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: có 02 tiền án.

+ Tại Bản án số 21/2012/HSST ngày 01/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Thái B 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa bồi thường trách nhiệm dân sự.

+ Tại Bản án số 05/2015/HSST ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Thái B 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tiền sự: không; bị bắt quả tang ngày 01/10/2023, tạm giữ ngày 02/10/2023, tạm giam ngày 11/10/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Em Lê Trần PH, sinh năm 2007 và chị Trần Ngọc D, sinh năm 1984; cùng cư trú tại: khu phố Q, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố GH, phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Văn GI, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp PT, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và chị Trần TM, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn MB, xã ND, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Anh GI, chị TM hiện cùng cư trú tại: khu phố HL, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người làm chứng:

1/ Anh Phạm Văn S, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn MH, xã XD, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2/ Anh Phạm Văn D, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn TT, xã HT, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Nguyễn Thái B nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của người khác bán lấy tiền. Vào khoảng 19 giờ ngày 01/10/2023, B chuẩn bị 01 chìa khóa xe mô tô và 01 lưỡi cưa bằng kim loại đi bộ một mình từ nhà đến Công viên 29/4 thuộc khu phố AL, phường Tr. Tại đây, B thấy phía sau quán mì cay Naga có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển số 70C1-176.68 của anh Lê Trần PH không có người trông giữ. B đến dùng lưỡi cưa cắt đứt dây xích khóa bánh trước xe mô tô rồi đẩy xe mô tô ra khu vực Công viên 29/4 thì em PH phát hiện tri hô cùng mọi người bắt giữ giao Công an xử lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thái B còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại Trung tâm y tế thị xã Trảng Bàng thuộc khu phố AL, phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 23/9/2023, B đi bộ đến Trung tâm y tế thị xã Trảng Bàng thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh đen, biển số 48D1- 421.41 của anh Nguyễn Văn GI dựng trước khoa cấp cứu không ai trông giữ nên B lén lút lấy xe mô tô của anh GI đem về nhà. Sau đó, B cắt dây điện xe, mở khóa và điều khiển xe mô tô biển số 48D1-421.41 đến khu vực Tho Mo thuộc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ với số tiền 12.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 23/9/2023, B tiếp tục đi bộ đến Trung tâm y tế thị xã Trảng Bàng thì thấy xe mô tô biển số 70L2-0337 của ông Nguyễn Văn Kh dựng tại khu vực sân khoa cấp cứu không có ai trông giữ. B lén lút đẩy xe mô tô của ông Kh ra khu vực phía sau B oxy tìm cách mở khóa ổ xe để lấy trộm nhưng bị ông Kh phát hiện tri hô nên B bỏ chạy thoát.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển số 70C1-176.68 có trị giá 8.300.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh đen, biển số 48D1-421.41 có trị giá 13.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu sơn xám, biển số 70L2-0337 có trị giá 4.300.000 đồng.

Cáo trạng số 76/CT-VKSTrB ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Nguyễn Thái B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại – Anh Nguyễn Văn GI trình bày: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh đen, biển số 48D1-421.41 do chị Trần TM đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Vào rạng sáng ngày 23/9/2023, anh chờ chị TM đến Trung tâm y tế thị xã Trảng Bàng để cấp cứu và dựng xe mô tô này trước khoa cấp cứu, không có khóa ổ xe. Đến khoảng 05 giờ anh quay ra lấy xe đi về thì phát hiện xe đã bị mất trộm. Nay anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô biển số 48D1-421.41 là 13.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị hại – chị Trần TM trình bày: chị thống nhất với lời trình bày và ý kiến của Anh GI, yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô biển số 48D1-421.41 là 13.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái B từ 03 đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận Ông Nguyễn Văn Kh, em Lê Trần PH và chị Trần Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm; buộc bị cáo bồi thường cho Anh Nguyễn Văn GI và chị Trần TM số tiền 13.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại là ông Nguyễn Văn Kh, em Lê Trần PH và chị Trần Ngọc D cùng người làm chứng là anh Phạm Văn S và anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện rõ yêu cầu của bị hại và lời trình bày

của làm chứng; việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[2] Về hành vi của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Nguyễn Thái B đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” nhưng chưa được xóa án tích; vì để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên vào ngày 23/9/2023 và ngày 01/10/2023, tại khu phố AL, phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thái B lợi dụng thời điểm không có người trông coi nên đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 03 xe mô tô của các bị hại với tổng trị giá là 25.600.000 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của bị cáo Nguyễn Thái B đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục cố ý phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo là “tái phạm nguy hiểm”. Lẽ ra, sau nhiều lần chấp hành hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản thì khi trở về địa phương bị cáo phải tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tìm kiếm cho mình một công việc phù hợp để lao động chính đáng tạo thu nhập nuôi sống bản thân, sống có ích cho xã hội nhưng với bản tính lười biếng lao động, thích hưởng thụ và muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công sức cực nhọc nên bị cáo lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân. Bị cáo đã nhiều lần chấp hành án nhưng tiếp tục tái phạm chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: qua điều tra, xác minh bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn Kh, em Lê Trần PH và chị Trần Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

Buộc bị cáo bồi thường cho Anh Nguyễn Văn GI và chị Trần TM số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

[6.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 chìa xe khóa nhãn hiệu Honda, chiều dài 8,5cm; 01 áo thun ngắn tay, màu xám trắng phía trước có chữ Marwaro; 01 quần thun màu đen, loại quần lửng ngang gối; 01 mũ lưỡi trai, màu nâu được bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái B 03 (ba) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/10/2023.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận Ông Nguyễn Văn Kh, em Lê Trần PH và chị Trần Ngọc D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thái B có nghĩa vụ bồi thường cho Anh Nguyễn Văn GI và chị Trần TM số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

- + 01 (một) chìa khóa xe nhãn hiệu Honda, chiều dài 8,5cm.
- + 01 (một) áo thun ngắn tay, màu xám trắng phía trước có chữ Marwaro.
- + 01 (một) quần thun màu đen, loại quần lửng ngang gối.
- + 01 (một) mũ lưỡi trai, màu nâu.

3. Án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thái B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, Anh GI, chị TM có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Em PH, chị D và Ông Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sơ Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Thị Minh Thư**